

ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐỀ THI MÔN: ĐỊA LÍ (CHUYÊN)

Ngày thi: 11/6/2014

Thời gian làm bài: 150 phút (Không kể thời gian phát đề)

(Đề thi gồm có: 01 trang)

Câu 1: (2,0 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học:

- Trình bày đặc điểm của nguồn tài nguyên khoáng sản nước ta.
- Tại sao cần phải ưu tiên phát triển đánh bắt hải sản xa bờ ?

Câu 2: (2,0 điểm)

Cho bảng số liệu sau:

TỈ SUẤT SINH, TỈ SUẤT TỬ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1979 – 2009
(Đơn vị: ‰)

Năm	1979	1989	1999	2009
Tỉ suất sinh	32,2	31,3	19,9	17,6
Tỉ suất tử	7,2	8,4	5,6	6,7

- Hãy tính tỉ lệ gia tăng tự nhiên của nước ta giai đoạn trên và rút ra nhận xét.
- Nêu nguyên nhân tác động đến tỉ số giới tính của nước ta.

Câu 3: (2,0 điểm)

Cho bảng số liệu sau:

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG ĐÀN GIA SÚC CỦA NƯỚC TA THỜI KỶ 1980 – 2005
(Đơn vị: %)

Năm	1980	1995	2000	2002	2005
Trâu	100,0	128,8	126,0	122,4	127,0
Bò	100,0	214,1	242,8	239,0	325,9
Lợn	100,0	163,1	201,9	231,7	274,4

- Hãy vẽ các đường biểu diễn thể hiện tốc độ tăng trưởng đàn gia súc của nước ta thời kỳ 1980 – 2005.
- Từ biểu đồ đã vẽ hãy rút ra nhận xét.

Câu 4: (4,0 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học:

- Chứng minh đồng bằng sông Hồng có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch. Kể tên và xác định qui mô các trung tâm du lịch của vùng.
- Nhờ những điều kiện nào mà Đông Nam Bộ trở thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn của cả nước?

HẾT

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam (NXB Giáo dục Việt Nam) khi làm bài thi.

Họ và tên thí sinh: _____

Số báo danh: _____

Chữ ký GT1: _____

Chữ ký GT2: _____

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ CHÍNH THỨC MÔN: ĐỊA LÍ (CHUYÊN)

Ngày thi: 11/6/2014

(Hướng dẫn chấm gồm có: 03 trang)

I. Hướng dẫn chung

1) Nếu học sinh làm bài không theo cách nêu trong đáp án nhưng đúng, chính xác, chặt chẽ thì cho đủ số điểm của câu đó.

2) Việc chi tiết hóa (nếu có) thang điểm trong hướng dẫn chấm phải bảo đảm không làm sai lệch hướng dẫn chấm và phải được thống nhất thực hiện trong tổ chấm.

II. Đáp án và thang điểm

Câu 1: (2,0 điểm)

NỘI DUNG		ĐIỂM
a. Trình bày đặc điểm của nguồn tài nguyên khoáng sản nước ta:		
- Tài nguyên khoáng sản nước ta phong phú, đa dạng (<i>dẫn chứng</i>)		0,25
- Không đều về trữ lượng, các mỏ thường có trữ lượng vừa và nhỏ.		0,25
- Một số có trữ lượng lớn: dầu khí, than, đá vôi, bôxít...		0,25
- Phân bố không đều và phân tán.		0,25
b. Cần phải ưu tiên phát triển đánh bắt hải sản xa bờ vì:		
- Khai thác hải sản ven bờ đã vượt quá mức cho phép.		0,25
- Nguồn hải sản ven bờ có thể bị kiệt quệ, suy thoái.		0,25
- Sản lượng đánh bắt xa bờ chỉ đạt 1/5 khả năng cho phép.		0,25
- Góp phần bảo vệ chủ quyền biển – đảo (<i>hoặc diễn đạt cách khác</i>).		0,25

Câu 2: (2,0 điểm)

NỘI DUNG					ĐIỂM
a. Tính tỉ lệ gia tăng tự nhiên của nước ta giai đoạn 1979 – 2009. Nhận xét:					
* Tính tỉ lệ gia tăng tự nhiên:					
(Đơn vị: %)					
Năm	1979	1989	1999	2009	0,5
Tỉ lệ gia tăng tự nhiên	2,5	2,3	1,4	1,1	
* Nhận xét:					
- Tỉ suất sinh, tỉ suất tử đều giảm (<i>dẫn chứng</i>).					0,25
- Tỉ suất sinh giảm nhanh hơn tỉ suất tử.					0,25
- Tỉ lệ gia tăng tự nhiên có giảm nhưng vẫn còn cao (<i>dẫn chứng</i>).					0,5
b. Nguyên nhân tác động đến tỉ số giới tính của nước ta:					
- Chiến tranh, phong tục tập quán, kinh tế, y tế, trình độ hiểu biết...					0,25
- Do tác động của hiện tượng chuyển cư...					0,25

Câu 3: (2,0 điểm)

NỘI DUNG		ĐIỂM
a. Vẽ biểu đồ		
- Thâm mỹ, chia khoảng cách chính xác, đầy đủ các chi tiết trên biểu đồ.		
- Nếu thiếu mỗi chi tiết -0,25đ/chi tiết.		
<p>Chú thích: Đàn trâu: —□— Đàn bò: —○— Đàn lợn: —△—</p> <p><i>Biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng đàn gia súc của nước ta thời kỳ 1980 – 2005.</i></p>		1,5
b. Nhận xét:		
- Đàn trâu, đàn bò, đàn lợn của nước ta TK 1980 – 2005 đều tăng, tốc độ tăng không đều.		0,25
- Đàn trâu tăng chậm: (<i>dẫn chứng</i>).		
- Đàn bò tăng mạnh: (<i>dẫn chứng</i>).		
- Đàn lợn tăng nhanh: (<i>dẫn chứng</i>).		0,25
⇒ Trong đó đàn bò tăng mạnh nhất.		

Câu 4: (4,0 điểm)

NỘI DUNG		ĐIỂM
a. Đồng bằng sông Hồng có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch:		
- Có vùng biển đẹp với các bãi tắm nổi tiếng: Đồ Sơn, Cát Bà (Hải Phòng).		0,25
- Có vườn quốc gia để phát triển du lịch sinh thái: Cát Bà (Hải Phòng), Cúc Phương (Ninh Bình), Tam Đảo (Vĩnh Phúc).		0,5

- Có hệ thống hang động, đá vôi, ... hồ nước ngọt.	0,25
- Có nhiều di tích lịch sử, văn hóa, có thủ đô Hà Nội với lịch sử ngàn năm văn hiến.	0,5
* Tên và qui mô trung tâm du lịch của vùng:	
- Hà Nội: trung tâm du lịch quốc gia.	0,25
- Hải Phòng: trung tâm du lịch vùng.	0,25
b. Đông Nam Bộ trở thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn của cả nước vì:	
- Địa hình: vùng đồi lượn sóng liên kề với đồng bằng bằng phẳng.	0,25
- Đất xám trên phù sa cổ và đất đỏ badan.	0,25
- Khí hậu cận xích đạo, lượng nhiệt ẩm và ánh sáng dồi dào.	0,25
- Nguồn nước: khá dồi dào từ hệ thống sông Đồng Nai, sông La Ngà, hồ Dầu Tiếng...	0,25
- Có nguồn lao động dồi dào, có kinh nghiệm và tay nghề cao (trồng và chế biến).	0,25
- Có chính sách Đổi mới của Nhà nước.	0,25
- Có cơ sở vật chất và kết cấu hạ tầng hoàn thiện.	0,25
- Thị trường tiêu thụ rộng lớn.	0,25

-----HẾT-----